ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2232/QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 12 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định một số nội dung chi tiết về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Phong Thổ và vùng phụ cận đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt dự toán đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Thông báo số 853-TB/TU ngày 16 tháng 11 năm 2023 về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy tại cuộc họp ngày 15, 16 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng hiện hành.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc ranh giới hành chính xã Mường So và xã Lản Nhì Thàng; cụ thể giáp giới như sau:

+ Phía Bắc giáp: Suối Nậm Cung và khu dân cư bản Nậm Cung.

+ Phía Nam giáp: Đất rừng sản xuất thuộc xã Lản Nhì Thàng.

+ Phía Đông giáp: Rừng phòng hộ thuộc xã Mường So.

+ Phía Tây giáp: Thị trấn Phong Thổ và rừng phòng hộ thuộc xã Mường So.

- Quy mô: Tổng diện tích đất lập quy hoạch khoảng 198ha (không bao gồm hành lang quốc lộ 4D).

3. Đơn vị lập quy hoạch: Viện Kiến trúc Quốc gia - Bộ Xây dựng.

4. Mục tiêu, tính chất của đồ án quy hoạch

4.1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Phong Thổ và vùng phụ cận đến năm 2035; quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Lai Châu, quy hoạch phát triển huyện Phong Thổ và quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng tỉnh Lai Châu;

- Khai thác, phát huy các tiềm năng, lợi thế nhằm xây dựng phát triển khu công nghiệp theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển của vùng Tây Bắc và vùng tỉnh Lai Châu, tạo đà thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và tăng trưởng kinh tế;

- Xây dựng và phát triển Khu công nghiệp Mường So đồng bộ về mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tổ chức không gian và tạo lập hình ảnh khu công nghiệp mang bản sắc khu vực, đảm bảo phát triển bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân;

- Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tạo nguồn đất sạch, cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh để kêu gọi các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài tham gia đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp, tạo công ăn việc làm.

4.2. Tính chất

- Là khu công nghiệp đa ngành trong Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

- Phát triển ngành nghề có lợi thế của tỉnh, của huyện; phát huy tiềm năng cơ sở sản xuất hiện có và các ngành nghề truyền thống tại địa phương.

- Là khu công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường, có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

5. Các nội dung chính của quy hoạch

5.1. Quy hoạch phân khu chức năng

a) Khu nhà máy, xí nghiệp, công nghiệp: Đất xây dựng công trình công nghiệp định hướng xây dựng nhà xưởng công nghiệp, cùng các hạng mục phụ trợ phục vụ sản xuất.

b) Đất kho tàng logistic: Đất xây dựng kho tàng logistic được bố trí dọc theo đường Quốc lộ 4D, thuận lợi kết nối giao thông, tập kết hàng hóa.

c) Đất dịch vụ công cộng: Đất dịch vụ công cộng được chia thành 03 khu vực. Hạng mục công trình dự kiến gồm: Nhà điều hành trung tâm, Ban quản lý dự án khu công nghiệp; Khu trưng bày sản phẩm đặc trưng, trung tâm giao thương tập trung; Khu dịch vụ cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ sản xuất các dịch vụ khác.

d) Đất cây xanh: Đất cây xanh bao gồm cây xanh công cộng có chức năng phụ trợ, phục vụ vui chơi, giải trí, vườn hoa, cây xanh cách ly. Trong lô đất cây xanh có bố trí kết hợp sân thể thao, bãi đỗ xe, ga tập kết rác và trạm điện khu vực.

đ) Đất hạ tầng kỹ thuật gồm: Bãi tập kết xử lý rác, nhà máy cấp nước, trạm xử lý nước thải, bãi đỗ xe tập trung.

e) Đất dành cho công nhân và chuyên gia.

5.2. Phát triển không gian và thiết kế kiến trúc cảnh quan

Khu vực quy hoạch được chia thành 02 tiểu khu:

a) Tiểu khu 1: Là khu vực phát triển công nghiệp, logistics. Với vai trò chính, tính chất là khu công nghiệp sinh thái, gồm các chức năng: Nhà xưởng công nghiệp khu vực logistics, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm, công trình dịch vụ.

b) Tiểu khu 2: Là khu vực phát triển khu vực dịch vụ… phục vụ khu công nghiệp và khu vực lân cận.

5.3. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà máy, xí nghiệp, công nghiệp	CN	67,27	34,0
2	Đất dữ trữ phát triển cây công nghiệp	DT	26,95	13,6
3	Đất kho tàng logistic	LO	7,72	3,9
4	Đất lưu trú chuyên gia, công nhân	LT	6,41	3,2
5	Đất cây xanh cách ly	CXCL	18	9,1
6	Đất cây xanh công viên	CXCC	13,85	7,0
7	Đất công cộng dịch vụ	TMDV	7,89	4,0
8	Đất giao thông	-	24,38	12,3
9	Đất bãi đỗ xe	P	1,57	0,8
10	Đất công nghiệp hiện trạng	CN	20,42	10,3

11	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	3,54	1,8
	Tổng		**198**	**100**

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông

6.1.1. Giao thông bên ngoài liên quan đến khu vực thiết kế

- Quốc lộ 4D (MC: 1-1): Tuyến đi qua khu trung tâm dự án theo hướng Bắc Nam, nâng cấp cải tạo tuyến quy mô cấp III miền núi với nền đường rộng 10,5m, mặt đường rộng 7,5m. Tổ chức nút giao cùng mức với đường chính khu công nghiệp, là điểm đấu nối - cửa ngõ chính vào khu công nghiệp.

- Đường tỉnh 132 (MC:2-2): Kết nối từ Quốc lộ 4D tại khu vực cửa ngõ phía Bắc khu công nghiệp, quy mô tối thiểu đường cấp IV miền núi, nền đường 10,5m, mặt đường 7,5m.

6.1.2. Giao thông nội bộ khu công nghiệp

Lựa chọn cấu trúc mạng lưới đường:

+ Mạng lưới đường được xác định trên cơ sở phân khu chức năng và quy hoạch phát triển không gian khu công nghiệp, thuận lợi cho việc liên hệ giữa các khu chức năng trong khu công nghiệp.

+ Tổ chức mạng lưới đường theo điều kiện địa hình, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, trong đó ưu tiên liên kết thuận lợi với Quốc lộ 4D.

+ Hệ thống giao thông trong khu công nghiệp quy hoạch 02 điểm kết nối trực tiếp với Quốc lộ 4D.

+ Đường trục chính khu công nghiệp có lộ giới 35m, đường nội bộ khu công nghiệp có lộ giới 20,5m-25m. Đối với các tuyến đường kết nối vào khu nhà lưu trú của công nhân, quy hoạch lộ giới 6m.

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

6.2.1. Quy hoạch công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai

Tuân thủ các định hướng theo quy hoạch chuyên ngành thủy lợi đối với hệ thống thủy lợi nằm trong khu vực nghiên cứu.

Tăng cường trồng, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn.

Nạo vét, khơi thông suối, khe tụ thủy… tăng cường thoát nước.

Sử dụng các công nghệ hiện đại trong việc xây dựng các công trình cảnh bảo sớm thiên tai: sạt lở đất, đá, lũ quét...

Xây dựng taluy, tường chắn tại các khu vực đào đắp đồi núi xây dựng đường và công trình.

6.2.2. Cao độ nền

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, giảm thiểu khối lượng đào đắp.

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sạt lở, thoát nước mặt thuận lợi.

- Kết nối hài hòa giữa khu vực xây dựng mới và khu vực hiện hữu.

- Tuân thủ định hướng chính về cao độ nền và thoát nước mưa của các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư đã và đang triển khai trong khu vực nghiên cứu.

6.2.3. Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa hoạt động theo chế độ tự chảy, thoát nhanh, triệt để và chiều dài mạng lưới ngắn nhất.

- Phân chia lưu vực theo dạng phân tán.

- Độ dốc cống thoát nước mưa bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, giảm khối lượng đào đắp xây dựng cống.

- Mạng lưới thoát nước mưa phải phù hợp với hướng dốc san nền quy hoạch, phù hợp với tình hình hiện trạng và các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xung quanh.

- Hạn chế giao cắt với các công trình ngầm khác.

6.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn cấp được khai thác từ suối Nậm Cung và được cấp thông qua nhà máy nước khu công nghiệp Mường So.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế dạng mạch vòng đảm bảo khả năng cấp nước an toàn đến mọi điểm dùng nước.

- Xây dựng các hố van tại các điểm giao cắt với các tuyến ống ≥ Φ100mm. Tại các nút của mạng lưới đặt van khoá khống chế, trên mạng lưới cấp nước chính đặt các van xả cặn và các van xả khí.

- Đường ống được đặt trên vỉa hè hoặc đi trong tuy nen kỹ thuật, tránh chồng chéo với các đường kỹ thuật khác. Đối với đoạn ống qua cầu cần phải xây dựng hộp kỹ thuật để đi đường ống nước.

- Khi triển khai lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở phải có thỏa thuận đấu nối và tham gia ý kiến của đơn vị quản lý.

- Cấp nước chữa cháy: Tuân thủ theo các quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

6.4. Quy hoạch cấp điện

- Dự kiến xây dựng thêm 01 tuyến 22kV cung cấp cho riêng điện sản xuất khu vực nghiên cứu. Kết cấu lưới hạ áp theo mạng hình tia. Hạn chế tối đa các tuyến cáp nổi qua ngã tư giao lộ lớn. Các tủ phân phối tổng dựng cầu giao khối (MCCB) theo tiêu chuẩn tủ động lực.

- Trạm biến áp phân phối: Dự kiến sẽ xây dựng các trạm lưới 22/0,4kV đủ đáp ứng nhu cầu phụ tải không xảy ra tình trạng quá tải cho các máy biến áp lưới. Vị trí trạm được đặt ở khu vực cây xanh, đất công cộng và ở giữa trung tâm phụ tải đảm bảo mỹ quan khu công nghiệp cũng như bán kính cấp điện.

- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng mới và hoàn thiện toàn bộ mạng lưới chiếu sáng hiện trạng. Khuyến khích sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng và sử dụng đèn năng lượng mặt trời.

6.5. Hệ thống thông tin liên lạc

Xây dựng tủ cáp khoảng 300 lines. Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch Phong Thổ đến. Tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A (Quang), chạy dọc Quốc lộ 4D. Triển khai xây dựng và nâng cấp các tuyến truyền dẫn quang trong khu vực bảo đảm nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông rộng.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

6.6.1. Thu gom và xử lý nước thải

- Mạng lưới thoát nước thải khu công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng.

- Nước thải sản xuất trong từng nhà máy phải xử lý nước thải theo tiêu chuẩn thoát nước thải công nghiệp trước khi được dẫn ra hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp. Nước thải thu gom về trạm xử lý của khu vực nghiên cứu. Sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường được xả ra hệ thống thoát nước mưa.

- Độ dốc tối thiểu của các tuyến cống thoát nước bẩn phải đảm bảo $i \geq 1/D$. với D là đường kính cống.

- Trạm xử lý nước thải có quy mô công suất 2.700 m^3/ngày đêm nằm ở lô đất Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Bắc khu công nghiệp để tránh ảnh hưởng môi trường các phân khu chức năng trong cụm công nghiệp, giải pháp trồng cây xanh cách ly, bảo vệ môi trường xung quanh trạm xử lý tránh ô nhiễm môi trường. Nước thải sau khi xử lý phải đạt cột A bảng 1 theo QCVN 40:2011/ BTNMT.

6.6.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn

- Quy trình thu gom chất thải rắn: Phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí các thùng đựng chất thải rắn có nắp đậy kín. Sau khi thu gom tại nguồn, chất thải được đưa tới khu xử lý hạ tầng để tạm thu, phân loại. Sau đó được vận chuyển tới khu xử lý tại xã Mường So, huyện Phong Thổ theo quy định.

- Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp nguy hại phát sinh trên địa bàn đưa về cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp vùng liên tỉnh.

6.7. Giải pháp bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho phát triển bền vững, cần quan tâm chú trọng các giải pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình quy hoạch, triển khai thực hiện các dự án thành phần.

** Giảm thiểu các tác động do phát triển kinh tế, xã hội:*

- Phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng, an toàn xã hội; sử dụng tiếp kiệm các nguồn tài nguyên;

- Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng; chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh; thực hiện tốt công tác thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp.

** Các giải pháp bảo vệ môi trường đất:*

- Sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên đất; tăng cường trồng cây xanh cách ly, phủ xanh các khu vực đất trống; ngăn ngừa nguy cơ xảy ra sạt lở đất, phòng chống cháy rừng;

- Thực hiện tốt hiệu quả công tác san nền, thoát nước; xây dựng các giải pháp phòng chống thiên tai; tăng cường công tác thăm dò địa chất, khảo sát địa hình, thực hiện công tác thi công, xây dựng an toàn, hiệu quả;

- Quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn công nghiệp;

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động phát triển xây dựng trên địa bàn; ngăn chặn các hành vi gây tác động tới môi trường tự nhiên, hệ sinh thái trong khu vực.

** Bảo vệ môi trường nước:*

- Quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, chất thải; đặc biệt chú ý công tác xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường tại các vị trí công nghiệp và khu xử lý nước thải; nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận, phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước; khoanh vùng bảo vệ nguồn nước, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định vệ sinh môi trường trong khu vực bảo vệ.

** Bảo vệ môi trường không khí:*

- Tăng mặt phủ tự nhiên, mặt phủ xanh, hạn chế tối đa bê tông hóa; ứng dụng các vật liệu tự nhiên phù hợp với khí hậu, thời tiết Lai Châu, thân thiện với môi trường;

- Chính sách ưu tiên đầu tư và ưu đãi cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có áp dụng công nghệ hiện đại, sử dụng năng lượng sạch, có biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường hiệu quả, đồng thời xử phạt nghiêm khắc đối với những cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu vực;

- Tăng cường công tác giám sát chất lượng môi trường không khí trên địa bàn.

** Giảm thiểu các tác động tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học:*

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động trong quá trình xây dựng; nghiêm cấm các hành vi gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và hệ sinh thái tự nhiên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của công nhân, về vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.

** Ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai và sự cố môi trường:*

- Thực hiện tốt công tác san nền, thoát nước; bảo vệ hành lang thoát nước, các công trình hồ chứa trên địa bàn; rà soát, đánh giá hiện trạng các hồ chứa, khả năng lưu chứa, khai thác, sử dụng trong tương lai; thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, nâng cấp các công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, các công trình cảnh báo và phòng chống thiên tai; có kế hoạch sử dụng bền vững tài nguyên nước;

- Phát triển hạ tầng đồng bộ; quan tâm, phát triển cộng đồng; chuẩn bị tốt cơ sở vật chất và các phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp do dịch bệnh, thiên tai, sự cố bất ngờ;

- Tăng cường công tác dự báo, theo dõi khí tượng thủy văn, địa chất công trình; đưa ra các kế hoạch hành động, phòng chống thiên tai, ứng cứu khẩn cấp;

- Tăng cường công tác giám sát và quản lý môi trường; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống hạ tầng, các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn; khắc phục kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Cắm mốc thực địa theo quy hoạch được phê duyệt.

- Triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực (khu nhà xưởng, khu logistic, khu nhà nghiên cứu - trưng bày, khu lưu trú công nhân, chuyên gia…); đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung khu công nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư các khu vực trung tâm hành chính, công cộng.

- Kêu gọi, thu hút đầu tư các khu nhà xưởng, khu logistic.

- Đào tạo, chuyển đổi ngành nghề cư dân khu vực sang công nghiệp, dịch vụ.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Thành phần hồ sơ kèm theo

Danh mục bản vẽ:

STT	Tên bản vẽ	Ký hiệu	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	QH-01	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ tổng hợp hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc, cảnh quan	QH-02a	1/2.000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	QH-02b	1/2.000
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	QH-03	1/2.000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	QH-04	1/2.000
6	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	QH-05	1/2.000
7	Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng	QH-06	1/2.000
8	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước	QH-07	1/2.000
9	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng	QH-08	1/2.000
10	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động	QH-09	1/2.000
11	Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và quản lý chất thải rắn, nghĩa trang	QH-10	1/2.000
12	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	QH-11	1/2.000
13	Bản vẽ định hướng, quy định kiểm soát kiến trúc, cảnh quan	QH-12	Tỷ lệ thích hợp

- Thuyết minh tổng hợp kèm bản vẽ A3: 01 quyển; Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: 01 quyển.

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định.

2. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ hoàn thiện thủ tục giao đất Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa; quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt, lập quy hoạch chi tiết và thực hiện các dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Trong thời gian hoàn thiện thủ tục giao đất Khu công nghiệp Mường So, huyện Phong Thổ cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ có trách nhiệm thực hiện các nội dung quản lý đối với khu đất xây dựng Khu công nghiệp Mường So theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Lai Châu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (để B/c);
- TT. HĐND tỉnh (để B/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: V, C, QT, CB;
- Lưu: VT, Kt5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Giàng A Tính